

Số: 79/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 04 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia
giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA KHÓA XIV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020; Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016 - 2020; Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020; Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững tại 61 huyện nghèo (nay là 64 huyện nghèo); Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Thông tư số 07/2017/TT-BKHĐT ngày 14/12/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định và hướng dẫn một số nội dung tại quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 96/TTr-UBND ngày 12/3/2018 về việc ban hành Nghị quyết kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra số 195/BC-BDT ngày 30/3/2018 của Ban Dân tộc của HĐND tỉnh và thảo luận tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Sơn La giai đoạn 2018-2020 (Có kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XIV, kỳ họp chuyên đề lần thứ hai thông qua ngày 04 tháng 4 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Quốc Hội, VP Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc, UBTCNS, UBKT của Quốc hội;
- Ủy ban dân tộc Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác đại biểu của UBTV Quốc hội;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- TT. Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh;
- TT. Đảng ủy, HĐND, Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, 450b *me*

CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Chất

Hoàng Văn Chất

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
tỉnh Sơn La giai đoạn 2018-2020**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /03/2018 của HĐND tỉnh)

**A. THỰC TRẠNG HỘ NGHÈO VÀ CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO GIAI
ĐOẠN 2011-2015**

Trong những năm qua, công tác giảm nghèo luôn được tỉnh Sơn La quan tâm tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện và đạt được những kết quả tích cực. Các chương trình, chính sách giảm nghèo của Đảng và Nhà nước đã đến được với người dân, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời; việc huy động các nguồn lực để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng, đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm sau đào tạo, vay vốn sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ sản xuất, cải thiện nhà ở, cung cấp nước sạch, đảm bảo vệ sinh môi trường, ... được quan tâm thực hiện. Ý thức trách nhiệm của đa số người dân trong công tác giảm nghèo được nâng lên, nhiều hộ nghèo đã vươn lên thoát nghèo bền vững. Bên cạnh đó, những thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã có những tác động tích cực đến đời sống của các tầng lớp nhân dân, tạo cơ hội học tập, việc làm, nâng cao thu nhập, góp phần cải thiện, dần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và giảm tỷ lệ hộ nghèo. Ngoài ra, sự chung tay, hỗ trợ của cộng đồng xã hội cũng đã góp phần vào công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh. Nhờ đó, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm dần qua từng năm. Năm 2011, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh là 31,91%; đến cuối năm 2015 giảm còn 21,47% (bình quân giảm 2,61%/năm).

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác giảm nghèo vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: kết quả giảm nghèo chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo cao; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề thấp, còn thiếu việc làm hoặc lười lao động, một bộ phận người nghèo còn mang tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, không muốn thoát nghèo. Việc phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác quản lý, triển khai thực hiện các chương trình, mục tiêu về giảm nghèo có khi chưa chặt chẽ, thường xuyên và hiệu quả. Nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo được phân bổ còn thấp so với nhu cầu thực tiễn của địa phương; công tác xã hội hóa các nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ chuyên trách về giảm nghèo còn thiếu và yếu, kiêm nhiệm nhiều việc nên còn hạn chế trong tham mưu, tổ chức thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo. Thiên tai, dịch bệnh, tác động của biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, khó lường tác động tiêu cực đến đời sống và sản xuất của người dân.

Kết quả điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020, cuối năm 2015 tỉnh Sơn La còn 92.754 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 34,44% và 25.048 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 9,3%. Đánh giá và xác định hộ nghèo theo phương pháp đo lường từ nghèo đơn chiều sang nghèo đa chiều được phân tích cụ thể theo 5 chiều thiếu hụt ở 10 chỉ số như sau (tỷ lệ thiếu hụt các chỉ số so với tổng số hộ nghèo):

Thiếu hụt về chỉ số tiếp cận các dịch vụ y tế 4,21%; Thiếu hụt bảo hiểm y tế 5,18%; Thiếu hụt về chỉ số trình độ giáo dục của người lớn 22,28%; Thiếu hụt về chỉ số tình trạng đi học của trẻ em 5,36%; Thiếu hụt về chỉ số chất lượng nhà ở 45,17%; Thiếu hụt về chỉ số diện tích nhà ở 41,65%; Thiếu hụt về chỉ số nguồn nước sinh hoạt 29,31%; Thiếu hụt về chỉ số hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh 74,71%; Thiếu hụt về chỉ số sử dụng dịch vụ viễn thông 12,98%; Thiếu hụt về chỉ số tài sản phục vụ tiếp cận thông tin 24,03%.

Nhờ việc thực hiện đồng bộ các chương trình, chính sách giảm nghèo trên địa bàn tỉnh cùng với sự đồng thuận, vào cuộc tích cực của một bộ phận người nghèo, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm dần qua từng năm, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo của tỉnh. Đến cuối năm 2017, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh còn 29,22%, tỷ lệ hộ nghèo bình quân của 5 huyện nghèo cuối năm 2017 giảm còn 32,5%, tỷ lệ hộ nghèo là dân tộc thiểu số của tỉnh giảm còn 35,2%.

B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2018-2020

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm cụ thể hóa việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Sơn La lần thứ XIV.

- Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội vào công tác giảm nghèo bền vững, từng bước nâng cao mức sống và chất lượng sống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; giảm dần khoảng cách chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa các khu vực, các địa phương và các nhóm dân cư; từng bước xã hội hóa công tác giảm nghèo và giảm nghèo bền vững trên phạm vi toàn tỉnh.

- Tạo điều kiện để người nghèo, hộ nghèo ổn định cuộc sống, phát triển sản xuất, tăng thu nhập, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo nhằm đạt mục tiêu giảm nghèo bền vững.

- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở các huyện nghèo, xã nghèo, bản đặc biệt khó khăn được tập trung đầu tư đồng bộ theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là hạ tầng thiết yếu như giao thông, trường học, trạm y tế, thủy lợi nhỏ, nước sinh hoạt; tạo điều kiện để người dân tham gia thực hiện các hoạt động của Chương trình để tăng thu nhập thông qua tạo việc làm công nhằm phát huy hiệu quả các công trình cơ

sở hạ tầng thiết yếu được đầu tư, góp phần giảm rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu, cải thiện tiếp cận thị trường.

2. Yêu cầu

- Đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV.

- Xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các cấp, các ngành, các địa phương trên địa bàn tỉnh trong thực hiện giảm nghèo bền vững.

- Bố trí và sử dụng kinh phí phù hợp, hiệu quả, đúng quy định tài chính hiện hành. Huy động thêm nguồn lực và chịu trách nhiệm về việc sử dụng nguồn lực đúng mục đích, đạt hiệu quả, tránh thất thoát.

II. MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO ĐẾN NĂM 2020

1. Mục tiêu chung

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo, góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, tạo điều kiện cho hộ nghèo, người nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin), góp phần hoàn thành mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đề ra.

Chương trình giảm nghèo nhằm cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người nghèo, góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, các dân tộc, các nhóm dân cư. Thực hiện chương trình giảm nghèo đồng bộ với chương trình xây dựng nông thôn mới và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu 01 huyện nghèo thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP; 10% số xã, bản đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất và dân sinh trên địa bàn các huyện, xã, thôn thuộc Chương trình phù hợp quy hoạch dân cư và quy hoạch sản xuất, đảm bảo phục vụ có hiệu quả đời sống và phát triển sản xuất của người dân:

+ Từ 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo tiêu chuẩn và cấp kỹ thuật theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

+ Từ 70% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế;

+ 95% hộ gia đình được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh theo chuẩn nghèo giai đoạn 2018-2020 bình quân trên 3%/năm, trong đó các huyện nghèo giảm bình quân từ 4-5%/năm, hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm từ 3-4%/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo tăng 1,5 lần so với cuối năm 2015 (riêng hộ nghèo ở các huyện nghèo, xã nghèo, bản đặc biệt khó khăn, hộ nghèo dân tộc thiểu số tăng gấp 2 lần).

- Thu nhập của hộ gia đình tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo tăng 20-25%/năm; bình quân mỗi năm có ít nhất 15% hộ gia đình tham gia dự án thoát nghèo và cận nghèo.

- Mỗi năm đào tạo nghề cho 7.800-8.200 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 đạt khoảng 50 - 55% (trong đó được cấp bằng, chứng chỉ đạt 15-20%); hỗ trợ đào tạo nghề và giáo dục định hướng cho khoảng 500 lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số, trong đó có khoảng 60-70% lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã, trưởng bản, tổ trưởng tổ dân phố được tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng.

- 100% cán bộ cấp xã làm công tác thông tin và truyền thông được đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền cổ động; hỗ trợ thiết lập 12 cụm thông tin cơ sở tại các khu vực cửa khẩu, biên giới trên địa bàn tỉnh.

- 90% các hộ dân thuộc địa bàn huyện nghèo, xã nghèo được tiếp cận cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; kinh nghiệm sản xuất; tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của tỉnh thông qua các hình thức báo chí, các xuất bản phẩm và các sản phẩm truyền thông khác. Hỗ trợ phương tiện nghe - xem cho khoảng 1.200 hộ nghèo thuộc dân tộc ít người, hộ nghèo sống tại các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN, THỜI GIAN THỰC HIỆN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Đối tượng:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số, phụ nữ thuộc hộ nghèo;

- Người dân và cộng đồng trên địa bàn các huyện nghèo, xã nghèo;

- Huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn; xã biên giới; thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Phạm vi thực hiện: Chương trình được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2018 đến năm 2020.

IV. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người dân về giảm nghèo bền vững.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo nhằm khơi dậy tinh thần tự lực vươn lên thoát nghèo và huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, truyền thông với nhiều hình thức, tăng cường nội dung để người nghèo tiếp cận các chính sách giảm nghèo, phổ biến các mô hình giảm nghèo có hiệu quả, các gương thoát nghèo; ưu tiên hỗ trợ người nghèo, người cận nghèo được tiếp cận và hưởng thụ văn hóa, thông tin.

2. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững.

Bố trí vốn kịp thời thực hiện chương trình, dự án và chính sách giảm nghèo theo quy định. Lồng ghép và thực hiện có hiệu quả nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án sử dụng trái phiếu Chính phủ, vốn ODA và các chương trình khác hướng vào mục tiêu giảm nghèo bền vững, ưu tiên tập trung các hoạt động và nguồn lực đầu tư cho các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, để đẩy nhanh tiến độ giảm nghèo ở những địa phương này.

3. Tiếp tục phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong thực hiện Chương trình giảm nghèo.

Tăng cường sự tham gia của người dân vào mọi hoạt động của Chương trình; lấy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, đẩy mạnh công cuộc giảm nghèo là nhiệm vụ trung tâm. Phát huy quyền làm chủ và mọi khả năng sáng tạo của nhân dân tham gia thực hiện giảm nghèo, từ việc xác định đối tượng thụ hưởng chính sách đến việc lập kế hoạch, triển khai thực hiện ở xã, bản, tổ dân phố; quản lý nguồn vốn; giám sát và đánh giá. Thông tin đầy đủ tới người dân các chủ trương, chính sách của Nhà nước về giảm nghèo; tổ chức cho nhân dân tham gia các hoạt động, bảo đảm tính công khai, dân chủ và minh bạch. Động viên mọi người dân phát huy nội lực, tự lực, tự cường vươn lên làm giàu chính đáng.

4. Tạo cơ hội để người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ sản xuất, dịch vụ xã hội cơ bản; khuyến khích hộ nghèo phấn đấu vươn lên thoát nghèo.

Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người nghèo, hộ nghèo; thực hiện cung cấp, chi trả các dịch vụ y tế, giáo dục, dạy nghề, vay vốn... đơn giản, dễ dàng, thuận tiện, đảm bảo kịp thời và đầy đủ quyền lợi để người nghèo tiếp cận các dịch vụ sản xuất, dịch vụ xã hội cơ bản; tăng cường nâng cao chất lượng các dịch vụ và bình đẳng trong việc tiếp cận các dịch vụ thiết thực liên quan đến đời sống người dân.

5. Quản lý điều hành, tổ chức thực hiện kế hoạch.

5.1. Tăng cường quản lý nhà nước trong việc thực hiện kế hoạch:

- Cấp tỉnh: Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong quá trình thực hiện; quản lý, phân bổ nguồn vốn cho các địa phương, đơn vị. Phấn đấu hoàn thành toàn diện các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch đề ra.

- Cấp huyện: Xây dựng kế hoạch giảm nghèo của địa phương; hướng dẫn, giám sát thực hiện của cấp xã.

- Cấp xã: Tổ chức điều tra, rà soát và công nhận hộ nghèo, cận nghèo trên cơ sở được cấp huyện phê duyệt; huy động nguồn lực tại chỗ, triển khai thực hiện các chính sách, dự án trên địa bàn; tự giám sát và chịu trách nhiệm trước dân.

5.2. Tổ chức và cán bộ: Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp; Nâng cao năng lực và tăng cường trách nhiệm cho cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cấp xã, các trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

5.3. Huy động sự tham gia của các tổ chức đoàn thể: Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên như: Liên đoàn lao động, hội Liên hiệp Phụ nữ, hội Nông dân, Đoàn thanh niên, hội Cựu chiến binh ... tham gia thực hiện Chương trình. Tiếp tục thực hiện quỹ “Ngày vì người nghèo”, xây dựng và củng cố tổ tiết kiệm - tín dụng, quỹ tín dụng cho người nghèo, người có thu nhập thấp; xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả.

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhóm giải pháp hỗ trợ hộ nghèo thiếu hụt đa chiều được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

1.1. Chính sách hỗ trợ người nghèo/ hộ nghèo, người cận nghèo/ hộ cận nghèo về giáo dục đào tạo

a. Hỗ trợ dạy nghề gắn với tạo việc làm:

- Đào tạo nghề cho người nghèo có nhu cầu học nghề, nâng cao trình độ nghiệp vụ, kỹ năng thực hành; phát triển sản xuất, mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ, xuất khẩu lao động bằng hình thức cho vay không phải thế chấp tài sản với lãi suất ưu đãi.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân tổ chức dạy nghề cho lao động thuộc hộ nghèo gắn với tạo việc làm; Dạy nghề phù hợp với cơ cấu lao động, cơ cấu ngành nghề của địa phương, ưu tiên dạy các nghề có thể tự tạo việc làm tại chỗ, những nghề có nhu cầu cao, có khả năng tìm được việc làm trên thị trường và tham gia thị trường lao động quốc tế.

- Có chính sách ưu đãi và khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng hoạt động ở các xã khó khăn hoặc thu hút nhiều lao động là người nghèo bằng các chính sách thuế, tiền thuê đất...; phát triển các nghề có thu nhập cao, tạo ra nhiều việc làm mới cho người lao động nói chung, người nghèo nói riêng. Hỗ trợ, tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, làng nghề, cơ sở dân doanh ổn định phát triển sản xuất, làm tiền đề duy trì ổn định việc làm và tạo thêm việc làm tại chỗ ở địa phương.

- Có chính sách hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo về chi phí học nghề, vay vốn đi xuất khẩu lao động; Đa dạng hóa các hình thức, biện pháp hỗ trợ hộ nghèo, người nghèo tự tạo việc làm như hỗ trợ vốn vay qua các chương trình, dự án giải quyết việc làm.

b. Hỗ trợ hộ nghèo về giáo dục

- Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ và chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách tín dụng ưu đãi đối với học sinh, sinh viên, nhất là sinh viên nghèo, sinh viên thuộc gia đình có hoàn cảnh khó khăn theo quy định hiện hành.

1.2. Hỗ trợ về y tế

- Thực hiện cấp thẻ BHYT cho 100% đối tượng thuộc diện được ngân sách Nhà nước đóng hỗ trợ theo quy định của Chính phủ; hỗ trợ kinh phí mua BHYT từ nguồn ngân sách của tỉnh cho đối tượng thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình khi tham gia BHYT.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống trạm y tế; đào tạo đội ngũ y, bác sỹ về làm việc ở tuyến cơ sở. Thực hiện lồng ghép đầu tư nâng cấp trạm y tế với thực hiện chuẩn quốc gia về y tế, tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận với các dịch vụ y tế ngay tại cơ sở.

1.3. Hỗ trợ về nhà ở

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 07/12/2015 của UBND tỉnh Sơn La cho 6.480 hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ của tỉnh với nguồn vốn vay ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội khoảng 162 tỷ đồng. Phấn đấu đến năm 2020, cơ bản hoàn thành chương trình hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo theo Đề án được duyệt.

- Tiếp tục thực hiện chương trình xây dựng Nhà Đại đoàn kết, xóa nhà dột nát cho hộ nghèo là đoàn viên, hội viên của tổ chức mình. Thực hiện chính sách xã hội hóa thu hút thêm các nguồn lực từ các thành phần kinh tế và cộng đồng xã hội để thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ người có công trên địa bàn tỉnh.

1.4. Hỗ trợ về nước sạch và vệ sinh môi trường

- Tiếp tục thực hiện chính sách đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình cấp nước sạch ở thành thị và nông thôn; phấn đấu đến năm 2020 có 98% dân số thành thị và 95% dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh.

- Huy động và thực hiện lồng ghép các nguồn vốn để đẩy mạnh việc cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường, nhất là môi trường nông thôn. Đẩy mạnh việc xã hội hóa trong đầu tư, xây dựng, quản lý, đồng thời tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực dịch vụ cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường.

1.5. Hỗ trợ về thông tin

- Tăng cường đào tạo kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho 100% cán bộ làm công tác thông tin và truyền thông tại cơ sở.

- Thực hiện hỗ trợ phương tiện nghe, xem cho khoảng 5.000 hộ nghèo là dân tộc thiểu số, hộ nghèo sống tại các xã đặc biệt khó khăn; Hỗ trợ thiết lập 12 cụm thông tin cơ sở tại các khu vực cửa khẩu, biên giới trên địa bàn tỉnh; đa dạng hóa các hoạt động truyền thông để giúp người nghèo, hộ nghèo tiếp cận thông tin về các chính sách giảm nghèo.

2. Nhóm giải pháp hỗ trợ tăng thu nhập cho hộ nghèo.

2.1. Hoạt động hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo, thoát cận nghèo vay vốn tín dụng ưu đãi

- Tạo điều kiện cho người nghèo được tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi, để cho hộ nghèo có sức lao động, có nhu cầu vay vốn mua sắm vật tư, thiết bị, giống cây trồng, vật nuôi; thanh toán các dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh, tự tạo việc làm, tăng thu nhập; hoặc để giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, điện thắp sáng, nước sạch và học tập.

- Tiếp tục phát huy hiệu quả các tổ chức nhận ủy thác vay vốn và các tổ tiết kiệm vay vốn của các tổ chức chính trị - xã hội. Thực hiện cho vay có điều kiện, hộ nghèo có nhu cầu vay vốn phải có phương án sản xuất kinh doanh và được các tổ chức đoàn thể tín chấp cho vay. Đồng thời có kế hoạch xử lý theo quy định đối với các hộ có nợ đọng kéo dài, không có điều kiện trả nợ.

- Các tổ chức đoàn thể, cán bộ khuyến nông hướng dẫn hộ nghèo lập phương án và tổ chức thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay. Gắn cho vay vốn với hướng dẫn hộ nghèo cách làm ăn theo hướng điều chỉnh cơ cấu ngành nghề có hiệu quả, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng địa phương và theo khả năng quy mô, trình độ sản xuất từng vùng, từng hộ.

- Đảm bảo nguồn vốn cho vay, rà soát các thủ tục, cơ chế cho vay, thu nợ đảm bảo đúng kỳ hạn, quay vòng vốn nhanh và có hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ nghèo có điều kiện tiếp cận được các nguồn vốn vay.

2.2. Khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư hướng về người nghèo

- Có cơ chế phù hợp về tổ chức, đào tạo, tập huấn và sử dụng đội ngũ cán bộ khuyến nông cơ sở trong việc giúp đỡ, hướng dẫn các hộ gia đình thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn, sử dụng nguồn vốn, tổ chức sản xuất, cách chi tiêu trong gia đình để đảm bảo cuộc sống.

- Trang bị kiến thức về nông nghiệp, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thông qua các hoạt động khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư có sự tham gia của người dân và tập huấn trên cơ sở mô hình thực tế. Nâng cao năng lực cho đội ngũ khuyến nông cấp xã, có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tổ chức dạy nghề kèm cặp cho người nghèo theo hình thức cầm tay chỉ việc.

- Đảm bảo có tỷ lệ lao động nghèo được tham dự các hội nghị chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ, kinh nghiệm, kiến thức trong sản xuất - kinh doanh. Xây dựng và phát triển các mô hình áp dụng giống mới, kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp.

- Tổ chức thực hiện các dự án hỗ trợ trực tiếp vốn, vật tư nông nghiệp cho người nghèo.

2.3. Nhân rộng mô hình giảm nghèo

- Xây dựng và nhân rộng mô hình giảm nghèo theo hướng liên kết giữa hộ nghèo, nhóm hộ nghèo với các doanh nghiệp nhằm tạo và nâng cao lợi nhuận cho người nghèo thông qua sự hỗ trợ vốn, kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp.

- Khảo sát, đánh giá các mô hình, dự án hỗ trợ khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư đã triển khai trên địa bàn, tiếp tục nhân rộng các mô hình, dự án có hiệu quả, phù hợp với hộ nghèo, hộ cận nghèo và điều kiện, đặc thù của địa phương, tạo điều kiện, cơ hội cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thoát nghèo bền vững. Tiếp tục xây dựng các mô hình khuyến nông, khuyến ngư và tiêu thụ công nghiệp khác.

3. Nhóm giải pháp về chính sách xã hội hỗ trợ người nghèo

3.1. Chính sách an sinh xã hội

- Xây dựng các kế hoạch, dự án trợ giúp xã hội cho đối tượng là người tâm thần, rối nhiễu tâm trí, người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em lang thang, trẻ em mồ côi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Hỗ trợ, cứu trợ đột xuất kịp thời cho những người nghèo gặp rủi ro, thiên tai, dịch bệnh, tai nạn nghiêm trọng ...

- Nâng cấp cơ sở vật chất và đầu tư trang thiết bị cho các cơ sở bảo trợ xã hội công lập của tỉnh.

3.2. Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo

Tiếp tục hỗ trợ trực tiếp tiền điện sinh hoạt cho hộ nghèo, hộ có đối tượng bảo trợ xã hội; điều kiện và mức hỗ trợ thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện

4.1. Nâng cao năng lực hệ thống làm công tác giảm nghèo

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành về lĩnh vực giảm nghèo, huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội để thực hiện đồng bộ và kịp thời các chính sách giảm nghèo.

- Thường xuyên kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác giảm nghèo các cấp, đặc biệt quan tâm củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban giảm nghèo cấp xã. Phân công thành viên Ban Chỉ đạo các cấp phụ trách, theo dõi tại cấp huyện, xã; Thành viên Ban giảm nghèo cấp xã phụ trách các thôn, xóm, tổ dân phố; Phân công các tổ chức đoàn thể, cán bộ, đảng viên, đoàn viên phụ trách giúp đỡ từng hộ nghèo.

- Sử dụng cán bộ đoàn thể ở cơ sở làm cộng tác viên giảm nghèo; Xây dựng cơ chế hoạt động, chức năng nhiệm vụ, chế độ đối với đội ngũ cộng tác viên làm công tác giảm nghèo cơ sở.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo. Trang bị những kỹ năng, kiến thức cơ bản trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức và quản lý

đối với cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp. Tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp huyện, xã, các trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

- Hàng năm tổ chức hội nghị đối thoại chính sách giảm nghèo nhằm xác định đúng hơn nhu cầu, năng lực tham gia của người dân, đặc biệt là của người nghèo.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức học tập kinh nghiệm về công tác giảm nghèo; các huyện, thành phố tổ chức hội thảo, tọa đàm về công tác giảm nghèo.

- Điều tra thu thập thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo, nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu về giảm nghèo các cấp.

4.2. Hoạt động truyền thông về giảm nghèo

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền đến các cấp các ngành, tổ chức kinh tế - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân về chủ trương, chính sách giảm nghèo của Đảng và Nhà nước; khơi dậy ý chí chủ động vươn lên của người nghèo, chống tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước, cộng đồng. Nâng cao nhận thức và đề cao trách nhiệm của các cấp, các ngành; đưa công tác giảm nghèo gắn với nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; Phát động phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”.

- Xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng thông tin, tuyên truyền về giảm nghèo.

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn về kỹ năng thông tin, truyền thông giảm nghèo cho các đối tượng thuộc diện được tập huấn, bồi dưỡng.

- Xây dựng, tổ chức các chương trình thông tin và truyền thông về công tác giảm nghèo như: Sản xuất, biên tập các sản phẩm thông tin và truyền thông về công tác giảm nghèo bằng các loại hình báo chí; tổ chức theo hình thức sân khấu hóa để thúc đẩy giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm giữa các địa phương thực hiện Chương trình và các hình thức thông tin, truyền thông khác.

- Tổ chức các cuộc nói chuyện chuyên đề, đối thoại chính sách, phổ biến kinh nghiệm, gương điển hình về giảm nghèo tại cộng đồng dân cư.

- Tổ chức Hội nghị tuyên dương khen thưởng các gia đình tự vươn lên thoát nghèo, khen thưởng cá nhân, tập thể có nhiều đóng góp cho công tác giảm nghèo để khích lệ tinh thần cùng tham gia của cả cộng đồng dân cư đối với mục tiêu giảm nghèo bền vững.

4.3. Hoạt động giám sát đánh giá

- Tổ chức tốt công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; Tổng hợp báo cáo tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

- Tổ chức việc theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo hàng năm và cả giai đoạn, đảm bảo 100% số xã, phường, thị trấn đều tự tổ chức kiểm tra, đánh giá và 30% số xã được giám sát, đánh giá về thực hiện kế hoạch giảm nghèo.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

- Mở rộng và tạo điều kiện để tăng cường sự tham gia của người dân về các hoạt động giảm nghèo từ việc xác định đối tượng thụ hưởng đến việc lập kế hoạch, triển khai thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả.

- Tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng người dân tham gia thực hiện và kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện công tác giảm nghèo.

4.4. Tăng cường đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo tiêu chí nông thôn mới

- Tập trung đầu tư cải tạo kết cấu hạ tầng thiết yếu như: Điện, đường giao thông, trường học, trạm y tế, chợ...theo hướng đồng bộ, hiện đại, xây dựng nông thôn mới phát triển bền vững (Ưu tiên đầu tư cho nơi khó khăn, địa phương có tỷ lệ hộ nghèo cao).

- Thực hiện Chương trình kiên cố hóa giao thông nông thôn, tuyến đường trục xã, đường trục thôn, đường trục chính nội đồng của các xã chưa đạt tiêu chuẩn.

- Thực hiện Chương trình kiên cố hóa kênh mương, nâng cấp hệ thống đê điều, kiên cố hóa mặt đê, đảm bảo phòng chống lụt bão và phát triển giao thông nông thôn.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống điện cho các xã đảm bảo cung cấp phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm tham gia vào Chương trình, nhận hỗ trợ, giúp đỡ các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao tăng cường kết cấu hạ tầng thiết yếu; hỗ trợ liên kết phát triển sản xuất, chuyển giao kỹ thuật; đào tạo nghề miễn phí và nhận lao động nghèo, cận nghèo vào làm việc; đồng thời phát huy trách nhiệm của cộng đồng, dòng họ để hỗ trợ người nghèo; tăng cường tinh tự chủ vươn lên của chính người nghèo.

4.5. Hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý:

- Thực hiện có hiệu quả chính sách trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo hiểu biết quyền, nghĩa vụ của mình, chủ động tiếp cận các chính sách trợ giúp của Nhà nước, vươn lên thoát nghèo.

- Tổ chức trợ giúp pháp lý lưu động ở các xã, phường, thị trấn trong tỉnh. Thông qua đó tuyên truyền phổ biến và giải đáp pháp luật miễn phí cho người nghèo.

- Đẩy mạnh trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng cần sự trợ giúp xã hội khác.

- Khuyến khích các tổ chức xã hội tham gia các hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo để thường xuyên và kịp thời phổ biến những quy định của pháp luật, chính sách của nhà nước; giải đáp, tư vấn về pháp luật cho người nghèo.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực cho các câu lạc bộ trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý, cán bộ tư pháp cấp xã, tổ hòa giải.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự kiến một số nguồn kinh phí hỗ trợ trực tiếp thực hiện chương trình:

1.1. Ngân sách trung ương bố trí thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: dự kiến 1.314 tỷ đồng (theo Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ).

1.2. Ngân sách trung ương bố trí thực hiện các chính sách hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản: dự kiến 2.324 tỷ đồng. Trong đó:

+ Chính sách hỗ trợ về thẻ BHYT: kinh phí thực hiện khoảng 500 tỷ/năm; giai đoạn 2018-2020 khoảng 1.500 tỷ đồng.

+ Chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 và chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ: dự kiến 155 tỷ/năm; giai đoạn 2018-2020 khoảng 465 tỷ đồng.

+ Chính sách hỗ trợ nhà ở: dự kiến vốn vay ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội 162 tỷ đồng.

+ Chính sách hỗ trợ nước sạch – VSMT: khoảng 189 tỷ đồng cả giai đoạn.

+ Chính sách hỗ trợ về thông tin: dự kiến kinh phí khoảng 08 tỷ.

1.3. Nguồn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội: dự kiến 2.300 tỷ đồng.

2. Thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh đầu tư và từ nguồn xã hội hóa để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020.

- Nguồn bổ sung cân đối, các chương trình mục tiêu; chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới; chương trình kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ giáo viên... và từ các chương trình, dự án khác có liên quan.

- Kinh phí chi thường xuyên của ngân sách tỉnh.

- Quỹ “Ngày vì người nghèo” cùng với sự đóng góp tự nguyện của cộng đồng, các doanh nghiệp và tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm.

- Nguồn xã hội hóa từ các tổ chức kinh tế - xã hội, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước./.

CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Chất

Hoàng Văn Chất